

Số: 365/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 07 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu nhà ở dịch vụ thương mại Phú Lâm, thành phố Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, được sửa đổi, bổ sung tại: Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, đã được sửa đổi, bổ sung tại: Điều 28 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 39 Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009 đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 140 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; khoản 2 Điều 39 và điểm b khoản 3 Điều 39 Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019; Khoản 6 Điều 75 Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 Ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; Thông tư số 01/2021/TT/BXD ngày 19/05/2021 Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung Khu Du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc xác định các khu vực có ý nghĩa quan trọng trong các đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc giao bổ sung danh mục dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc điều chỉnh giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách nhà nước, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu phường Mỹ Lâm thành phố Tuyên Quang - tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1822/TTr-SXD ngày 27/7/2024 về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu nhà ở dịch vụ thương mại Phú Lâm, thành phố Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu nhà ở dịch vụ thương mại Phú Lâm, thành phố Tuyên Quang với nội dung cụ thể như sau:

- 1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết khu nhà ở dịch vụ thương mại Phú Lâm.
- 2. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch:** Sở Xây dựng Tuyên Quang.
- 3. Địa điểm lập quy hoạch:** Phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

4. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch chi tiết:

4.1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc: Giáp khu đất canh tác.
- + Phía Nam: Giáp đường Quốc lộ 37 và khu dân cư hiện hữu.
- + Phía Đông: Giáp khu đất canh tác và trụ sở UBND phường Mỹ Lâm.
- + Phía Tây: Giáp khu đất canh tác.

4.2. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô lập đồ án Quy hoạch chi tiết: Khoảng 4,5 ha.
- Quy mô dân số: Khoảng 750 – 1.100 người.

5. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

Hình thành một khu nhà ở được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở và nhà ở xã hội theo quy định; đảm bảo phù hợp với chiến lược và cấu trúc phát triển chung của toàn khu, khớp nối về mặt tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật giữa khu vực lập quy hoạch và các khu vực lân cận, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả và bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển thành phố Tuyên Quang theo hướng bền vững, đô thị xanh, đô thị thông minh (*định hướng đô thị loại I*).

6. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu cho khu đất được xác định cụ thể trong khi nghiên cứu lập quy hoạch, phù hợp với điều kiện thực tế tại khu vực và phù hợp Quy chuẩn xây dựng Việt Nam như QCVN 01/2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

Chỉ tiêu kỹ thuật chính như sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu quy hoạch
I	Chỉ tiêu sử dụng đất		
1.1	Đất đơn vị ở		
	Trường mầm non	m ² /1 cháu	≥12
	Đất cây xanh đơn vị ở	m ² /người	≥2
	Đất ở	m ² /người	15-28
	Sân chơi, sân luyện tập	m ² /người	≥1
	Thương mại – dịch vụ	m ² /công trình	≥2000
1.2	Mật độ xây dựng		
	Lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ	%	40-100
	Công trình dịch vụ - công cộng	%	≤ 40
	Đất thương mại dịch vụ - hỗn hợp	%	40-80
II	Hạ tầng kỹ thuật		
2.1	Giao thông		
	Tỷ lệ đất giao thông	%	≥21
	Đất bãi đỗ xe	m ² /người	≥2,5
2.2	Cấp nước		
	Cấp nước sinh hoạt (Qsh)	L/ng.ngđ	≥125
	Tỷ lệ cấp nước	%	100
	Cấp nước CC-TM-DV	L/m ² sàn	≥2
	Cấp nước trường học (trường mầm non)	L/cháu.ngđ	≥75
	Công trình công cộng dịch vụ	% lượng nước SH	≥10
	Nước tưới công viên, vườn hoa	L/m ² /ngđ	≥3
	Nước rửa đường	L/m ² /ngđ	≥0,4
	Cấp nước PCCC	L/s/1 đám cháy	≥10
2.3	Cấp điện		
	Cấp điện đơn vị ở	W/người	450-700
	Cấp điện công cộng, DVTM	W/m ² sàn	30
	Điện công trình công cộng, dịch vụ	% phụ tải điện sinh hoạt	40
	Cấp điện trường học, nhà trẻ	kW/học sinh, cháu	0,2
	Chiếu sáng công viên, vườn hoa	W/m ²	0,5
	Chiếu sáng đường phố	W/m ²	1
2.4	Thông tin liên lạc		
	Thuê bao sinh hoạt	thuê bao/hộ	2
2.5	Thoát nước thải		
	Nước thải sinh hoạt	% nước cấp	≥ 80%
2.6	Vệ sinh môi trường		
	Tiêu chuẩn CTR	kg/người/ngày	1,3

7. Các yêu cầu đối với nội dung quy hoạch:

7.1. Nguyên tắc lập quy hoạch:

- Khi lập quy hoạch phải đánh giá hiện trạng sử dụng đất, công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các yếu tố về văn hoá - xã hội, môi trường của khu vực lập quy hoạch để có giải pháp bổ sung, điều chỉnh hợp lý nhằm khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đô thị, bảo đảm yêu cầu sử dụng về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

- Đối với khu vực phát triển, hình thành khu nhà ở, dịch vụ thương mại,... đảm bảo nguyên tắc sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, tận dụng hiệu quả hệ thống hạ tầng hiện có, gắn kết chặt chẽ giữa khu vực phát triển mới và đô thị hiện có; bảo đảm sự đồng bộ và hoàn thiện về hệ thống các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đô thị; hài hòa giữa các khu vực phát triển mới với các khu dân cư hiện có; bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và gìn giữ bản sắc của địa phương.

- Quy hoạch kiến trúc phải đạt được các yêu cầu về tổ chức không gian, đảm bảo môi trường sống và làm việc đáp ứng nhu cầu phát triển dài hạn theo định hướng chung của khu vực. Cơ cấu sử dụng đất hợp lý, thuận lợi cho việc phân chia giai đoạn đầu tư xây dựng.

- Các công trình tiếp giáp với các tuyến đường phố mở mới phải quy hoạch, thiết kế đồng bộ với các công trình hiện hữu, nhằm đảm bảo mỹ quan chung trên toàn tuyến.

7.2. Dự báo phát triển:

- Xác định quy mô dân số, tính chất, chức năng sử dụng đất theo quy hoạch và các chỉ tiêu cho từng lô đất về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao, chỉ giới xây dựng công trình và trên các trục đường từ cấp nội bộ.

- Xác định khu vực nhà ở xã hội (*theo quy định*).

- Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính về quy mô, dân số, đất đai, công trình xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, chỉ tiêu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch.

7.3. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nghiên cứu quy hoạch tuân thủ theo quy hoạch cấp trên, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và được xem xét, xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch để phù hợp định hướng phát triển, điều kiện đất đai, dân số và các dự án liên quan.

7.4. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Yêu cầu, nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc khi thực hiện nghiên cứu lập đồ án quy hoạch chi tiết. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, bố trí hệ thống cây xanh – mặt nước (nếu có) và các công trình thể thao, văn hóa, hạ tầng kỹ thuật, tiện ích đô thị đảm bảo về quy mô, chỉ tiêu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện

hành; phù hợp tại các khu vực không gian chuyển tiếp, các “vùng đệm” giữa khu dân cư hiện có với khu phát triển mới.

- Xác định phân vùng với các ý tưởng không gian chủ đạo, để đưa ra các nguyên tắc về tổ chức hình thái không gian kiến trúc nhằm tạo lập các liên kết hình ảnh, các hiệu quả thẩm mỹ và đặc trưng kiến trúc của từng khu vực, góp phần tạo nên hình ảnh kiến trúc hiện đại theo một tổng thể kiến trúc chung của khu vực.

7.5. Thiết kế đô thị:

- Thực hiện nghiên cứu về không gian kiến trúc cảnh quan làm cơ sở đề xuất các chỉ dẫn cụ thể về thiết kế đô thị, các quy định kiểm soát phát triển theo quy định của pháp luật, góp phần hoàn thiện quy hoạch tổng thể, đảm bảo phát triển đô thị đồng bộ và bền vững.

- Xác định các công trình điểm nhấn trong khu vực quy hoạch theo các hướng tầm nhìn (*điểm nhấn về kiến trúc, điểm nhấn về cây xanh*); xác định chiều cao xây dựng công trình của từng khu vực trên cơ sở tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, phù hợp với mật độ xây dựng và cảnh quan, cây xanh, mặt nước trong khu vực đô thị đã được quy định trong quy hoạch chung; xác định khoảng lùi công trình trên từng đường phố, nút giao thông tuân thủ quy hoạch chung, các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

- Xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc; tổ chức hệ thống cây xanh mặt nước và quảng trường (*cây xanh bóng mát và cây xanh cảnh quan*), mặt nước và các vật thể kiến trúc đô thị (*thùng rác công cộng, trạm dừng các phương tiện công cộng, ghé ngò, hệ thống đèn chiếu sáng,...*).

- Quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị phải tính toán đến hiện trạng hình dạng các lô đất đảm bảo các yêu cầu về cảnh quan và an toàn trong xây dựng để điều chỉnh, hợp khối.

- Đề xuất các giải pháp thiết kế công trình xây dựng đồng bộ tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành.

7.6. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được bố trí đến mạng lưới đường nội bộ, khảo sát, đánh giá hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư xây dựng để điều chỉnh, khớp nối cho phù hợp theo hướng đô thị xanh, đô thị thông minh. Cụ thể bao gồm các nội dung sau:

- Quy hoạch cốt xây dựng đối với từng lô đất, phù hợp với các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu chung của khu vực.

- Xác định mạng lưới giao thông (*kể cả đường đi bộ nếu có*), mặt cắt, chỉ

giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng;

- Xác định mạng lưới giao thông hiện có làm cơ sở đề xuất nâng cấp, cải tạo, mở rộng các tuyến đường hiện hữu.

- Vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe để đảm bảo phục vụ nhu cầu giao thông của khu vực; chú trọng phát triển đường đi xe đạp và đi bộ thuận lợi, hấp dẫn, gắn với các không gian và chức năng đa dạng kiến tạo môi trường đô thị văn minh, đô thị xanh, bền vững.

- Việc thiết kế nút giao tuân thủ theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, bảo đảm khả năng vận hành và an toàn giao thông khi dự án được đưa vào khai thác sử dụng.

- Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình cấp nước, trạm bơm nước; mạng lưới cấp nước đến mạng ống cấp III (*ống dịch vụ*), họng cứu hỏa,... và các thông số kỹ thuật chi tiết; kết nối đồng bộ giữa khu dân cư mở mới và dân cư hiện trạng.

- Xác định nhu cầu cung cấp năng lượng và chiếu sáng, hạ tầng viễn thông thụ động: xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện; vị trí, quy mô các trạm biến áp (*nếu có*); mạng lưới đường dây điện cao thế, trung thế, hạ thế và chiếu sáng của khu vực. Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc đến tủ cấp thuê bao, kết nối đồng bộ giữa khu dân cư mở mới và dân cư hiện trạng.

- Xác định lượng nước thải, rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước bẩn, chất thải. Các điểm tập trung chất thải rắn, điểm trung chuyển chất thải rắn (*đảm bảo bán kính phục vụ theo quy định*).

7.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình, các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường;

- Đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch.

- Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch.

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

7.8. Quy hoạch xây dựng ngầm đô thị:

Đề xuất các giải pháp bố trí Tuynel, hào kỹ thuật chứa hệ thống cấp nước phân phối, hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc, các công trình có hạng mục tầng ngầm (*nếu có*).

8. Dự kiến các hạng mục cơ bản trong dự án:

Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nghiên cứu quy hoạch tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và được xem xét, xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch để phù hợp điều kiện đất đai, dân số và các quy định có liên quan. Một số chức năng dự kiến sẽ triển khai đầu tư xây dựng như sau:

- Đất nhà ở (*nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự*).
- Đất cây xanh.
- Đất thương mại dịch vụ.
- Đất công trình công cộng.
- + Đất giáo dục (*Trường mầm non*).
- + Đất văn hóa (*Nhà văn hóa, sân thể thao*).
- Đất giao thông.
- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật.

9. Danh mục hồ sơ đồ án:

Hồ sơ sản phẩm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

10. Nguồn vốn thực hiện: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

11. Thời gian thực hiện:

Thời gian lập đồ án: Không quá 06 tháng kể từ khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt. Thời gian lập quy hoạch không bao gồm thời gian trình các cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang và các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này theo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy; (b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh; (b/c)
- Chủ tịch UBND; (b/c)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Các phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT. (ĐTXD - H)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Tuấn